TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 278/2026/DS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2026
V/V tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và hợp đồng thuê tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Phạm Thanh Trà**.
2. Ông: **Lê Văn Tánh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thanh Thúy** - Cán bộ TAND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 449/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2026/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự.

-*Nguyên đơn:* **Công ty TNHH M (Công ty M).**

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn H** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Tháp G**, sinh ngày 18/01/1992; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

-*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01/01/1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp D, xã M, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2025, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH M (Công ty M) có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tháp G trình bày:* Công ty M hoạt động trong lĩnh vực mua bán và cho thuê xe. Ngày 18/10/2024, Công ty M và ông Nguyễn Văn T có làm Văn bản thỏa

thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe, trong đó có nội dung như sau: Công ty M mua của ông Nguyễn Văn T 01 chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu đen đỏ, biển số 63B2-215.08 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Văn T với giá tiền là 5.000.000 đồng. Công ty M đã thanh toán đủ số tiền này cho ông T. Sau khi bán xe, ông T có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống, Công ty M đã đồng ý cho ông T thuê lại trong thời hạn 03 tháng, từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/01/2025 với phí thuê là 400.000 đồng/tháng, được thanh toán mỗi 30 ngày một lần kể từ ngày bắt đầu thuê. Tuy nhiên, sau ngày ký thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe là ngày 18/10/2024, ông T chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê nào cho Công ty M và cũng không trả lại chiếc xe nói trên cho Công ty. Khi khởi kiện thì Công ty M yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty M chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ, biển số 63B2-215.08, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984 đã thuê ngày 08/10/2024; giá trị chiếc xe 5.000.000 đồng. Trả số tiền thuê xe: Tạm tính từ ngày 18/10/2024 đến ngày 27/7/2025 là hơn 09 tháng. Vậy tạm tính 09 tháng x 400.000 đồng/tháng là 3.600.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau đó có làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay phía Công ty M yêu hủy hợp đồng mua bán xe và thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe ngày 10/8/2024 được lập giữa Công ty M với ông Nguyễn Văn T và chỉ yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty M số tiền mua bán chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ, biển số 63B2-215.08, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984, theo hợp đồng mua bán xe ngày 18/10/2024 là 5.000.000 đồng và số tiền thuê xe 03 tháng là 1.200.000 đồng; tổng cộng là 6.200.000 đồng. Khi ông Nguyễn Văn T trả đủ số tiền cho Công ty M thì Công ty M sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nói trên cho phía ông Nguyễn Văn T.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T. Xét thấy, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH M (Công ty M) có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tháp G: yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe và thỏa thuận

về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe ngày 10/8/2024 được lập giữa Công ty M với ông Nguyễn Văn T và chỉ yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty M số tiền mua bán chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ, biển số 63B2-215.08, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984, theo hợp đồng mua bán xe ngày 18/10/2024 là 5.000.000 đồng và số tiền thuê xe 03 tháng là 1.200.000 đồng; tổng cộng là 6.200.000 đồng. Khi ông Nguyễn Văn T trả đủ số tiền cho Công ty M thì Công ty M sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nói trên cho phía ông Nguyễn Văn T. Xét thấy, ngày 10/8/2024 Công ty M có lập hợp đồng mua bán xe với ông Nguyễn Văn T, đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ, biển số 63B2-215.08, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984, theo hợp đồng mua bán xe ngày 18/10/2024 số tiền là 5.000.000 đồng; Công ty M đã giao đủ số tiền mua bán xe cho ông T. Do ông T có nhu cầu cần xe để đi lại nên giữa Công ty M và ông T tiếp tục thỏa thuận thuê xe trên với giá 400.000đ/tháng, thời gian thuê từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/01/2025, thời gian thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày bắt đầu thuê xe là 30 ngày/01 lần. Tuy nhiên, sau khi thuê xe ông T không trả tiền thuê xe cho Công ty M theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, hết hạn thuê xe ông T cũng không trả lại xe như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Cho thấy, căn cứ vào thỏa thuận của hợp đồng về việc mua bán, cho thuê và mua lại xe ngày 18/10/2024/AP do Công ty M cung cấp, có đủ căn cứ để xác định giao dịch mua bán xe và thuê xe mô tô giữa Công ty M với ông T thực tế có phát sinh. Phía Công ty M đã thực hiện đúng theo thỏa thuận là giao tiền mua bán xe và giao xe cho thuê cho ông T. Thế nhưng phía ông T đã không thực hiện đúng thỏa thuận trên cụ thể là không trả tiền thuê xe, cũng như không giao trả lại xe mô tô nêu trên cho Công ty M là ông T đã vi phạm khoản 2 Điều 7 của thỏa thuận hợp đồng ngày 18/10/2024.Cho nên, phía Công ty TNHH M yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe và thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe ngày 10/8/2024 được lập giữa Công ty M với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn ông Nguyễn Văn T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông T đã biết được yêu cầu và số tiền mà phía nguyên đơn Công ty M đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông T phải có nghĩa thực hiện, nhưng phía bị đơn ông T đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là mình có vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông T đã thừa nhận đối với yêu cầu mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn ông T phải có nghĩa vụ thực hiện nên ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn ông T cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả tiền và gây khó khăn cho việc phía nguyên đơn thu hồi lại số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho phía nguyên đơn đơn. Đối với phía bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa

vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền 6.200.000 đồng. (Trong đó số tiền mua, bán xe là 5.000.000 đồng, tiền thuê xe tính từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/01/2025 là 1.200.000 đồng).

[5] Từ những tài liệu, chứng cứ như phân tích trên, Hội đồng xét xử xét đã có đã căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Công ty TNHH M có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tháp G: Hủy hợp đồng về việc mua bán, cho thuê và mua lại xe lập ngày 18/10/2024 được giao kết giữa Công ty TNHH M với ông Nguyễn Văn T đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984, biển số 63B2-215.08. Do xe nói trên phía ông T đang quản lý sử dụng nên Công ty TNHH M không phải giao trả lại xe nói trên cho ông T. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền 6.200.000 đồng (Trong đó số tiền mua, bán xe là 5.000.000 đồng, tiền thuê xe tính từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/01/2025 là 1.200.000 đồng). Khi ông Nguyễn Văn T trả đủ số tiền nói trên cho phía Công ty TNHH M thì phía Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007258, biển số 63B2-215.08, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984 cấp ngày 17/02/2022 do Công an huyện C cấp đứng tên ông Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Văn T.

[6] Về án phí*:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc yêu cầu hủy hợp đồng, nên phía bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền là 6.200.000 đồng, nên phía bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn là 6.200.000 đồng, nên số tiền án phí phải chịu là 310.000 đồng; tổng cộng phía bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 610.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 430, 431, 433, 434, 435, 436, 440, 472, 473, 747, 476, 481, 482 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Tháp G.

Hủy hợp đồng về việc mua bán, cho thuê và mua lại xe lập ngày 18/10/2024 được giao kết giữa Công ty TNHH M với ông Nguyễn Văn T đối với xe mô tô nhãn

hiệu Honda, màu sơn đen đỏ, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984, biển số 63B2-215.08. Do xe nói trên phía ông T đang quản lý sử dụng nên Công ty TNHH M không phải giao trả lại xe nói trên cho ông T. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền 6.200.000 đồng (Trong đó số tiền mua, bán xe là 5.000.000 đồng, tiền thuê xe tính từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/01/2025 là 1.200.000 đồng).

Khi ông Nguyễn Văn T trả đủ số tiền nói trên cho phía Công ty TNHH M thì phía Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007258, biển số 63B2-215.08, số máy JF27E1491630, số khung RLHJF201B7533984 cấp ngày 17/02/2022 do Công an huyện C cấp đứng tên ông Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty TNHH M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ chịu 610.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Công ty TNHH M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Công ty TNHH M đã nộp theo biên lai thu số 0011023 ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TNHH M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 4-Đồng Tháp;(Đã ký)
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Sơn